

hoạch đầu tư xây dựng; chủ động trong phòng, chống cháy rừng; giảm tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông. Trong dịp Tết Nguyên đán, các Bộ, ngành và địa phương cần chuẩn bị tốt cho đồng bào ăn tết vui tươi, lành mạnh, tiết kiệm, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ và Nghị định

số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ (sau đây viết tắt là NĐ 52/CP và NĐ 12/CP) như sau:

1. Điểm d khoản 2 Điều 3 NĐ 52/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

"d) Đối với các dự án đầu tư của cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài; dự án có yêu cầu cơ mật thuộc an ninh, quốc phòng; dự án mua sắm hữu bản quyền, việc lập dự án đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định này (trừ các nội dung không phù hợp với tính chất của dự án); việc thẩm định dự án, quyết định đầu tư và quản lý thực hiện dự án theo quyết định riêng của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề xuất và kiến nghị của cơ quan có dự án".

2. Điểm 2 khoản 1 Điều 1 của NĐ 12/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Đối với các dự án nhóm A gồm nhiều dự án thành phần hoặc tiểu dự án, trong đó nếu từng dự án thành phần hoặc tiểu dự án có thể độc lập vận hành, khai thác hoặc thực hiện theo phân kỳ đầu tư được ghi trong văn bản phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền thì mỗi dự án thành phần hoặc tiểu dự án đó được thực hiện từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư và quản lý quá trình thực hiện đầu tư như một dự án đầu tư độc lập".

3. Điều 8 NĐ 52/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 8. Quản lý các dự án quy hoạch.

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng, liên tỉnh trong phạm vi toàn quốc, có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn nội dung, trình tự lập, thẩm định và quản lý các dự án quy hoạch tổng thể phát

triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành.

b) Tổ chức lập các dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng trọng điểm, liên tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

c) Thẩm định các dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh) lập theo phân cấp; quy hoạch phát triển ngành do các Bộ quản lý ngành lập trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Nội dung thẩm định bao gồm:

- Sự phù hợp của quy hoạch với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội;

- Sự hợp lý của quy hoạch trong việc phân bổ các nguồn lực;

- Tính thống nhất của các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng, lãnh thổ, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng;

- Tính khả thi của quy hoạch.

2. Bộ Xây dựng là cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn, quy hoạch xây dựng vùng trọng điểm có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn nội dung, trình tự lập, thẩm định và quản lý các dự án quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn, vùng trọng điểm.

b) Tổ chức lập các dự án quy hoạch xây dựng vùng trọng điểm trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

c) Thẩm định các dự án quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo phân cấp.

Nội dung thẩm định bao gồm:

- Sự phù hợp của quy hoạch xây dựng với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch xây dựng dài hạn;

- Sự phù hợp của quy hoạch xây dựng trong việc phân bổ dân cư;

- Tính thống nhất của quy hoạch xây dựng với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, lãnh thổ, quy hoạch phát triển ngành;

- Tính khả thi của quy hoạch và biện pháp quản lý quy hoạch xây dựng.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể phát triển không gian đô thị, cụm dân cư; các quy hoạch xây dựng đô thị, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, phê duyệt và trình duyệt để làm cơ sở xây dựng các dự án đầu tư.

4. Bộ quản lý ngành tổ chức lập quy hoạch phát triển ngành.

5. Bộ Tài chính hướng dẫn việc tạm ứng, thanh toán các nội dung chi phí lập và thẩm định các dự án quy hoạch.

6. Các dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn, khi nghiên cứu lập dự án phải lấy ý kiến rộng rãi của các Bộ, ngành, địa phương liên quan. Quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn khi nghiên cứu lập dự án, cơ quan tổ chức lập dự án phải công bố công khai, trưng cầu ý kiến của nhân dân và Hội đồng nhân dân sống trên vùng quy hoạch. Dự án quy hoạch xây dựng (cả quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phải được công bố công khai, thường xuyên tại Ủy ban nhân dân các cấp và nơi công cộng trong vùng quy hoạch để nhân dân thực hiện và kiểm tra việc thực hiện.

7. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng thực

hiện (theo chức năng) việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành; quy hoạch xây dựng để ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành”.

4. Khoản 2 Điều 10 ND 52/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư các dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư. Hội đồng thẩm định nhà nước về các dự án đầu tư tổ chức thẩm định dự án trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư.

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan quản lý tài chính của Trung ương Đảng, cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị - xã hội (được xác định trong Luật Ngân sách nhà nước), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư các dự án nhóm A đã có trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành được duyệt hoặc đã có quyết định chủ trương đầu tư bằng văn bản của cấp có thẩm quyền, sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư.

Người có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án nhóm A tổ chức thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi, có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ quản lý ngành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng (đối với các dự án đầu tư xây dựng), Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan đến dự án để báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, các Bộ, ngành, địa phương được hỏi ý kiến phải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

Trường hợp dự án nhóm A sử dụng vốn ngân sách địa phương phải đưa ra Hội đồng nhân dân thảo luận, quyết định và công bố công khai.

Nội dung báo cáo xin phép đầu tư bao gồm:

- Sự phù hợp của dự án với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Chế độ khai thác và sử dụng tài nguyên quốc gia; phương án công nghệ;

- Khả năng tài chính của dự án;

- Các ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước đối với dự án;

- Hiệu quả đầu tư dự án;

- Thời gian thực hiện dự án;

- Các ảnh hưởng về môi trường, sinh thái, phòng chống cháy nổ, an toàn, tái định cư, an ninh, quốc phòng.

Kèm theo báo cáo xin phép đầu tư có văn bản tham gia ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương có liên quan.

Trường hợp các dự án nhóm A chưa có trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng được duyệt hoặc chưa có văn bản quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền thì trước khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi phải được Thủ tướng Chính phủ xem xét, thông qua báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và cho phép đầu tư.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan quản lý tài chính của Trung ương Đảng, cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị - xã hội (được xác định trong Luật Ngân sách nhà nước), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư hoặc ủy quyền quyết định đầu tư các dự án nhóm B, C phù hợp với quy hoạch được duyệt.

Đối với các dự án nhóm B chưa có trong quy hoạch được duyệt thì trước khi lập báo cáo nghiên

cứu khả thi phải có ý kiến đồng ý bằng văn bản của người có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch.

Riêng đối với các dự án nhóm C, cơ quan quyết định đầu tư phải bảo đảm cân đối vốn đầu tư để thực hiện dự án không quá 2 năm.

c) Tùy theo điều kiện cụ thể của các Bộ, ngành, địa phương, người có thẩm quyền quyết định đầu tư được phép ủy quyền cho các đối tượng quy định tại điểm d khoản này quyết định đầu tư các dự án nhóm B, C. Người ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền của mình. Người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật và người ủy quyền.

d) Đối tượng được ủy quyền quyết định đầu tư:

- Đối với cấp Bộ:

Tổng cục trưởng, Cục trưởng, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty, Giám đốc doanh nghiệp nhà nước, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Bộ; Tư lệnh các Quân khu, Quân đoàn, Quân chủng, Bộ đội Biên phòng và các chức danh tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng.

- Đối với cấp tỉnh:

Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh (sau đây gọi là cấp huyện), Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty, Giám đốc doanh nghiệp nhà nước, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã được quyết định đầu tư các dự án trong phạm vi ngân sách của địa phương mình (bao gồm cả các khoản bổ sung từ ngân sách cấp trên) có mức vốn đầu tư dưới 03 tỷ đồng (đối với cấp huyện) và dưới 01 tỷ đồng (đối với cấp xã) tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể trên cơ sở quy

hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và năng lực thực hiện của các đối tượng được phân cấp.

Trước khi quyết định đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm lấy ý kiến các tổ chức chuyên môn đủ năng lực (kể cả các tổ chức tư vấn) để thẩm định dự án. Việc quản lý thực hiện dự án phải theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với các dự án ở cấp xã sử dụng vốn ngân sách nhà nước đầu tư và xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội sau khi được Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua phải được Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận về mục tiêu đầu tư và quy hoạch. Nếu đầu tư từ nguồn vốn đóng góp của dân, Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đầu tư và xây dựng theo Quy chế tổ chức huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng của các xã, thị trấn ban hành kèm theo Nghị định số 24/1999/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 1999 của Chính phủ.

e) Người có thẩm quyền quyết định đầu tư không được sử dụng nguồn vốn sự nghiệp để đầu tư xây dựng mới. Đối với việc cải tạo, mở rộng, nếu sử dụng nguồn vốn sự nghiệp có mức vốn từ 01 tỷ đồng trở lên để đầu tư phải thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư theo quy định của Nghị định này”.

5. Điểm 2 khoản 5 Điều 1 ND 12/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

Thẩm quyền quyết định đầu tư các dự án sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh:

“2. Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư các dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư. Hội đồng thẩm định nhà nước

về các dự án đầu tư tổ chức thẩm định dự án trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư.

Các dự án nhóm A, B, C do doanh nghiệp đầu tư, doanh nghiệp tự thẩm định dự án, tự quyết định đầu tư theo quy định và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật; dự án đầu tư nhóm A, B phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt; dự án đầu tư nhóm A, trước khi quyết định đầu tư phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư. Nội dung báo cáo xin phép đầu tư như quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định này (trừ các văn bản tham gia ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương có liên quan).

Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A của doanh nghiệp thuộc quyền quản lý và có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng (đối với các dự án đầu tư xây dựng), Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan đến dự án để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư. Nội dung thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án là những nội dung chủ đầu tư phải xin phép đầu tư nêu ở khoản 4 Điều 1 của Nghị định này. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, các Bộ, ngành, địa phương được hỏi ý kiến phải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

Trường hợp các dự án đầu tư thuộc nhóm A hoặc nhóm B chưa có trong quy hoạch được duyệt thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 Nghị định này.

Tùy theo điều kiện cụ thể của các doanh nghiệp, người có thẩm quyền quyết định đầu tư được phép ủy quyền cho Giám đốc đơn vị trực thuộc quyết định đầu tư các dự án nhóm B, C. Người ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền của mình. Người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật và người ủy quyền”.

6. Điểm 1 khoản 6 và điểm 1, điểm 3 khoản 7 Điều 1 ND 12/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

Thẩm quyền quyết định đầu tư các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp và các nguồn vốn khác:

"1. Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư các dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư. Hội đồng thẩm định nhà nước về các dự án đầu tư tổ chức thẩm định dự án trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư.

Các dự án nhóm A, B, C do doanh nghiệp đầu tư (không phân biệt thành phần kinh tế) doanh nghiệp tự thẩm định dự án, tự quyết định đầu tư theo quy định và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật; các dự án đầu tư phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt; dự án đầu tư nhóm A, trước khi quyết định đầu tư phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư hoặc Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép đầu tư.

Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A của doanh nghiệp thuộc quyền quản lý và có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng (đối với các dự án đầu tư xây dựng), Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan đến dự án để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư. Nội dung thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án là những nội dung chủ đầu tư phải xin phép đầu tư nêu ở khoản 4 Điều 1 của Nghị định này (trừ các nội dung về phương án công nghệ, khả năng tài chính, hiệu quả đầu tư dự án và các văn bản tham gia ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương có liên quan). Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, các Bộ, ngành, địa phương được hỏi ý kiến phải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

Trường hợp các dự án nhóm A hoặc nhóm B chưa có trong quy hoạch được duyệt thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 Nghị định này.

3. Đối với các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau, chủ đầu tư có trách nhiệm tách riêng các hạng mục hoặc phần việc của dự án để bố trí riêng từng loại nguồn vốn cho các hạng mục, phần việc đó và quản lý các hạng mục, phần việc này theo quy định đối với loại nguồn vốn đã bố trí.

Đối với dự án sử dụng nhiều nguồn vốn mà không thể tách riêng các hạng mục hoặc phần việc của dự án thì dự án đó được quản lý theo quy định đối với nguồn vốn có tỷ lệ % lớn nhất trong tổng mức đầu tư của dự án.

Đối với các dự án sử dụng vốn góp của nhiều thành viên, căn cứ vào tỷ lệ vốn góp và đặc điểm của dự án, các thành viên thỏa thuận xác định phương thức quản lý và tổ chức điều hành dự án”.

7. Điều 14 ND 52/CP được bổ sung thêm khoản 3 như sau:

"3. Trong giao nhận thầu, nghiệm thu và thanh quyết toán vốn đầu tư, nghiêm cấm chủ đầu tư có hành vi yêu sách, nhận hối lộ của các nhà thầu.

Trong hồ sơ mời thầu, nghiêm cấm chủ đầu tư quy định các nội dung để tạo ra sự cạnh tranh không bình đẳng giữa các nhà thầu; nghiêm cấm việc dàn xếp thầu và áp đặt các điều kiện trái quy định nhằm vụ lợi.

Chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án và Ban quản lý dự án có trách nhiệm sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư; thực hiện đầy đủ các nội dung quy định về quản lý tài chính; phải bồi thường thiệt hại vật chất nếu gây lãng phí vốn đầu tư của Nhà nước hay của doanh nghiệp và bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Ban quản lý dự án là tổ chức thực hiện vai trò, trách nhiệm của chủ đầu tư, có nhiệm vụ trực tiếp quản lý thực hiện dự án, chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư”.

8. Điều 15 ND 52/CP sửa khoản 3 và thêm khoản 4 như sau:

"3. Trách nhiệm của các tổ chức tư vấn đầu tư và xây dựng:

a) Các tổ chức tư vấn đầu tư và xây dựng khi hoạt động kinh doanh phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện, năng lực theo quy định của Bộ Xây dựng.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về các nội dung đã cam kết trong hợp đồng, đặc biệt là các nội dung kinh tế - kỹ thuật được xác định trong sản phẩm tư vấn của mình và phải bồi thường thiệt hại gây ra.

c) Các tổ chức tư vấn phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp. Phí bảo hiểm được tính vào giá sản phẩm tư vấn. Việc mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn là một điều kiện pháp lý trong hoạt động tư vấn đầu tư và xây dựng.

d) Các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước có yêu cầu phải thuê tư vấn nước ngoài thì các tổ chức, chuyên gia tư vấn nước ngoài được thuê phải liên danh với tư vấn Việt Nam để thực hiện (trừ trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép). Tư vấn trong nước được phép liên danh, liên kết hoặc thuê tổ chức, chuyên gia tư vấn nước ngoài trong hoạt động tư vấn đầu tư và xây dựng.

đ) Trong các sản phẩm tư vấn, nghiêm cấm các tổ chức tư vấn đầu tư và xây dựng chỉ định sử dụng các loại vật liệu hay vật tư kỹ thuật của một nơi sản xuất, cung ứng nào đó mà chỉ được phép yêu cầu chung về tính năng kỹ thuật của vật liệu hoặc vật tư kỹ thuật.

e) Nghiêm cấm các tổ chức tư vấn đầu tư và xây dựng mua, bán tư cách pháp lý để tham gia dự thầu hoặc mua, bán thầu hoặc tiết lộ thông tin về đấu thầu cho các nhà thầu tham dự đấu thầu.

4. Bộ Tài chính quy định chế độ bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư và xây dựng”.

9. Khoản 2 Điều 16 ND 52/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Trách nhiệm của các doanh nghiệp xây dựng:

a) Các doanh nghiệp xây dựng khi hoạt động thi công xây lắp công trình phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện, năng lực theo quy định của Bộ Xây dựng.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về các nội dung đã cam kết trong hợp đồng giao nhận thầu xây lắp và phải bồi thường thiệt hại gây ra.

c) Các doanh nghiệp xây dựng phải mua bảo hiểm cho vật tư, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm tai nạn đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ 3. Phí bảo hiểm được tính vào chi phí sản xuất. Việc mua bảo hiểm là một điều kiện pháp lý trong hoạt động xây dựng của các doanh nghiệp xây dựng.

d) Nghiêm cấm các doanh nghiệp xây dựng mua, bán tư cách pháp lý để tham gia dự thầu hoặc dàn xếp, mua, bán thầu hoặc thông đồng, móc ngoặc với chủ đầu tư trong đấu thầu”.

10. Điều 20 ND 52/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 20. Giám sát, đánh giá đầu tư:

1. Giám sát, đánh giá các hoạt động đầu tư

của nền kinh tế quốc dân, ngành, lĩnh vực, địa phương gọi là giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư. Giám sát đánh giá các dự án đầu tư do người có thẩm quyền cho phép đầu tư hoặc quyết định đầu tư gọi là giám sát, đánh giá dự án đầu tư.

2. Yêu cầu và nội dung giám sát, đánh giá đầu tư bao gồm:

a) Giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư; theo dõi, đánh giá về quy mô, tốc độ, cơ cấu, hiệu quả đầu tư của nền kinh tế, ngành, địa phương từng thời kỳ; theo dõi, đánh giá việc thực hiện đầu tư theo quy hoạch, kế hoạch, chương trình đã được phê duyệt.

b) Giám sát, đánh giá sự phù hợp của việc ra quyết định đầu tư dự án của các Bộ, ngành và cấp có thẩm quyền so với quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

c) Giám sát, đánh giá việc thực hiện dự án của chủ đầu tư theo các nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và việc chấp hành các quy định của Nhà nước về đầu tư và xây dựng.

d) Qua giám sát, đánh giá đầu tư, kiến nghị cơ quan quyết định đầu tư, chủ đầu tư hoặc các cơ quan liên quan xem xét, xử lý các vấn đề phát sinh.

3. Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư:

a) Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thực hiện giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư và các dự án quan trọng quốc gia, các dự án nhóm A do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư hoặc cho phép đầu tư.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong toàn quốc; tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư và các dự án quan trọng quốc gia, các dự án nhóm A do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư hoặc cho phép đầu tư; tổng hợp công tác giám

sát, đánh giá đầu tư trong toàn quốc, định kỳ hàng quý báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Các Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá tổng thể các dự án thuộc thẩm quyền quản lý; định kỳ 6 tháng báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

c) Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án có nhiệm vụ giám sát, đánh giá dự án đầu tư theo quy định; định kỳ ba tháng một lần tổng hợp báo cáo với cấp quyết định đầu tư dự án (vốn, tiến độ, đấu thầu, chất lượng) và kiến nghị các giải pháp khắc phục.

d) Các cấp có thẩm quyền không được phép điều chỉnh đầu tư đối với các dự án không thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định.

đ) Chi phí cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư do Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cụ thể các nội dung quy định về giám sát, đánh giá đầu tư”.

11. Bãi bỏ khoản 9 Điều 1 NĐ 12/CP; Điều 22 NĐ 52/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 22. Lập dự án đầu tư.

1. Chủ đầu tư phải thuê tổ chức tư vấn có tư cách pháp nhân, đủ năng lực đáp ứng các yêu cầu của dự án để lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo đầu tư và chịu trách nhiệm về các nội dung yêu cầu trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, khả thi hoặc báo cáo đầu tư.

Đối với một số chủ đầu tư có đủ năng lực, nếu tự thực hiện lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo đầu tư phải có quyết định của người có thẩm quyền quyết định đầu tư giao nhiệm vụ lập dự án.

2. Các dự án nhóm A đã có trong quy hoạch

được duyệt hoặc đã có văn bản quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền thì không phải lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi mà lập ngay báo cáo nghiên cứu khả thi.

Trường hợp các dự án nhóm A chưa có trong quy hoạch được duyệt hoặc chưa có văn bản quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền, chủ đầu tư phải lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và thông qua báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

Đối với dự án nhóm B chủ đầu tư tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi, nếu xét thấy cần thiết phải lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

3. Các dự án sau đây không phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi mà chỉ lập báo cáo đầu tư, thiết kế và dự toán:

a) Các dự án có mức vốn đầu tư nhỏ (dưới 03 tỷ đồng), các dự án sửa chữa, bảo trì sử dụng vốn sự nghiệp.

b) Các dự án hạ tầng xã hội quy mô nhỏ (dự án nhóm C) sử dụng vốn ngân sách (không nhằm mục đích kinh doanh) phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.

4. Các dự án đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị lẻ không phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi mà chỉ lập báo cáo đầu tư và dự toán chi phí”.

12. Khoản 6 Điều 26 NĐ 52/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

"6. Thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư:

Người có thẩm quyền quyết định đầu tư tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi theo nội dung quy định tại Điều 27 NĐ 52/CP.

Đối với các dự án sử dụng vốn tín dụng, tổ

chức cho vay vốn thẩm định phương án tài chính và phương án trả nợ để chấp thuận cho vay hoặc không cho vay trước khi người có thẩm quyền quyết định đầu tư.

Người có thẩm quyền quyết định đầu tư sử dụng cơ quan chuyên môn trực thuộc đủ năng lực tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi và có thể mời cơ quan chuyên môn của các Bộ, ngành khác có liên quan để thẩm định dự án. Riêng đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tổ chức thẩm định dự án có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Xây dựng (đối với các dự án đầu tư xây dựng) và các cơ quan có liên quan đến nội dung thẩm định dự án”.

13. Điều 28 ND 52/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Hội đồng thẩm định Nhà nước về các dự án đầu tư được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ để thẩm định hoặc thẩm định lại các dự án sau:

1. Các dự án đầu tư lớn, quan trọng trước khi Chính phủ trình Quốc hội thông qua và quyết định chủ trương đầu tư.

2. Các dự án đầu tư đã qua quá trình thẩm định nhưng Thủ tướng Chính phủ xét thấy cần thiết phải thẩm định lại.

3. Các dự án đầu tư và dự án quy hoạch theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ.

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư là Chủ tịch Hội đồng thẩm định Nhà nước về các dự án đầu tư”.

14. Bãi bỏ khoản 12 Điều 1 ND 12/CP; điểm 3.1 khoản 3 Điều 38 ND 52/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

Thẩm quyền phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán:

"3.1. Đối với các dự án đầu tư và xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước:

a) Thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán các dự án quan trọng quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư, các dự án nhóm A sử dụng vốn ngân sách nhà nước do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có dự án đầu tư hoặc người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Xây dựng.

Riêng các công trình xây dựng chuyên ngành thuộc dự án nhóm A sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định: công trình xây dựng thủy lợi, nông nghiệp, lâm nghiệp giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; công trình xây dựng giao thông giao Bộ Giao thông vận tải; công trình xây dựng hầm mỏ, nhà máy phát điện, đường dây tải điện và trạm biến áp, giao Bộ Công nghiệp; công trình xây dựng bưu chính viễn thông mà phần công nghệ chuyên ngành là chủ yếu giao Bộ Bưu chính, Viễn thông; công trình an ninh, quốc phòng và bảo vệ bí mật quốc gia giao Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, chủ trì tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán.

Đối với các dự án nhóm A sử dụng vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và các dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị có những yêu cầu chuyên môn đặc thù thì các Bộ, ngành, địa phương tự tổ chức thẩm định thiết kế và tổng dự toán để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ

thuật và tổng dự toán phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thẩm định của mình.

b) Dự án đầu tư xây dựng nhóm B, C thuộc các Bộ, ngành, cơ quan trung ương quản lý, người có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán sau khi đã được thẩm định của cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý xây dựng của cấp quyết định đầu tư;

Dự án đầu tư xây dựng nhóm B, C do địa phương quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán sau khi đã được Sở Xây dựng hoặc Sở có xây dựng chuyên ngành thẩm định (tùy theo tính chất của dự án).

Dự án đầu tư xây dựng nhóm A, B, C do các doanh nghiệp đầu tư, doanh nghiệp tự tổ chức thẩm định, người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán.

c) Người có thẩm quyền phê duyệt thiết kế kỹ thuật tổng dự toán quy định tại tiết a, b của điểm này được phép ủy quyền cho Thủ trưởng đơn vị cấp dưới trực tiếp phê duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán nhưng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền đó. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật và người ủy quyền.

d) Đối với các dự án đầu tư xây dựng thực hiện thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công (thiết kế chi tiết), căn cứ mức độ phức tạp về kỹ thuật của hạng mục công trình và trình độ năng lực, bộ máy chuyên môn của chủ đầu tư, người có thẩm quyền phê duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán được ủy quyền cho chủ đầu tư phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán các hạng mục công trình phù hợp với thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán đã được phê duyệt.

Trường hợp khi lập thiết kế chi tiết và dự toán các hạng mục công trình có thay đổi so với thiết

kế kỹ thuật và tổng dự toán đã được phê duyệt thì chủ đầu tư phải trình cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận.

Trong quá trình thi công, chủ đầu tư chỉ được phép thay đổi thiết kế, dự toán sau khi đã được người có thẩm quyền quyết định đầu tư tổ chức kiểm tra và cho phép. Trường hợp thực sự cần thiết phải xử lý ngay việc thay đổi thiết kế thì chủ đầu tư được phép quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật và người có thẩm quyền quyết định đầu tư".

15. Khoản 5 Điều 45 ND 52/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

"5. Các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước trước khi khởi công phải có thiết kế và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nghiêm cấm tình trạng vừa thiết kế vừa thi công.

Đối với các dự án nhóm A nếu chưa có thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán được duyệt nhưng cần thiết phải khởi công thì phải có thiết kế và dự toán hạng mục khởi công được người có thẩm quyền phê duyệt và hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp. Chậm nhất sau khi thực hiện được 30% tổng mức đầu tư phải có thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán được người có thẩm quyền phê duyệt.

Bộ Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại khoản này và xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp cố tình không thực hiện".

16. Khoản 3 Điều 47 ND 52/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

"3. Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu nhà nước về các công trình xây dựng. Hội đồng nghiệm thu nhà nước có trách

nhiệm kiểm tra xem xét công tác nghiệm thu của chủ đầu tư và trực tiếp nghiệm thu các công trình thuộc dự án nhóm A, các dự án quan trọng quốc gia khi thấy cần thiết và những công trình khác do Thủ tướng Chính phủ yêu cầu.

- Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu nhà nước là Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng nghiệm thu nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quy định”.

17. Điều 49 ND 52/CP được sửa đổi các khoản 1, 6, 8, 9, 12 và bổ sung thêm khoản 13 như sau:

”1. Đối với dự án hoặc gói thầu xây lắp thực hiện hình thức chỉ định thầu thì việc thanh toán vốn đầu tư căn cứ theo giá trị khối lượng thực hiện được nghiệm thu theo giai đoạn hoặc giá trị khối lượng được nghiệm thu hàng tháng theo hợp đồng đã ký kết.

6. Chủ đầu tư, cơ quan cấp vốn hoặc cho vay vốn có trách nhiệm xem xét và tạo điều kiện đáp ứng các nhu cầu cần thiết về tạm ứng vốn cho một số cấu kiện, bán thành phẩm trong xây dựng có giá trị lớn phải được sản xuất trước để đảm bảo tiến độ đầu tư và một số loại vật tư đặc chủng, vật tư phải dự trữ theo mùa và một số nội dung công việc phát sinh khác trong quá trình thực hiện đầu tư.

8. Trong năm kết thúc xây dựng hoặc đưa hạng mục công trình hay công trình vào khai thác sử dụng, khối lượng xây lắp hạng mục công trình hoặc công trình của năm đó chỉ được thanh toán hết khi nhà thầu có đủ quyết toán công trình với chủ đầu tư; đối với nhà thầu nước ngoài việc tạm giữ và thanh toán theo thông lệ quốc tế.

Hàng năm, cơ quan cấp vốn, cho vay vốn tạm giữ 5% tổng mức vốn kế hoạch đầu tư của dự án

và sẽ thông báo đủ sau khi chủ đầu tư thực hiện đúng thời hạn quyết toán vốn đầu tư quy định tại khoản 18 Điều 1 Nghị định này trong năm kế hoạch.

9. Việc thanh toán vốn đầu tư các gói thầu xây lắp thực hiện đấu thầu được thanh toán theo tiến độ thực hiện gói thầu ghi trong hợp đồng giao nhận thầu và giá trị hợp đồng đã được ký kết (đối với hợp đồng trọn gói) hoặc thanh toán theo đơn giá trúng thầu và các điều kiện cụ thể ghi trong hợp đồng.

Sau khi kết thúc xây dựng, việc thanh quyết toán các gói thầu không được vượt tổng dự toán và tổng mức đầu tư đã được người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt.

Thời hạn thanh toán: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhà thầu nộp đủ thủ tục thanh toán, chủ đầu tư phải thanh toán giá trị khối lượng công việc đã thực hiện cho nhà thầu. Căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phát, cho vay vốn (tùy theo nguồn vốn đầu tư của dự án) có trách nhiệm thanh toán theo phương thức thanh toán quy định tại khoản này và các nội dung không sửa đổi quy định tại Điều 49 của ND 52/CP.

12. Đối với nguồn vốn sự nghiệp đầu tư cho xây dựng và một số công trình đặc thù, việc tạm ứng và thanh toán vốn đầu tư do Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể.

13. Đối với gói thầu hoặc dự án thực hiện theo hợp đồng thiết kế - cung ứng thiết bị vật tư - xây dựng (viết tắt theo tiếng Anh là hợp đồng EPC), việc tạm ứng để mua sắm thiết bị được căn cứ vào tiến độ thanh toán của hợp đồng cung ứng. Các công việc khác, mức tạm ứng bằng 15% giá trị của gói thầu nhưng không vượt kế hoạch vốn hàng năm của gói thầu”.

18. Khoản 2 Điều 56 ND 52/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Thời hạn quyết toán vốn đầu tư:

a) Đối với các dự án quan trọng quốc gia, sau khi dự án đưa vào vận hành, chậm nhất là 12 tháng chủ đầu tư phải hoàn thành báo cáo quyết toán vốn đầu tư trình người có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với các dự án nhóm A, sau khi dự án đưa vào vận hành, chậm nhất là 9 tháng chủ đầu tư phải hoàn thành báo cáo quyết toán vốn đầu tư trình người có thẩm quyền phê duyệt.

c) Đối với các dự án nhóm B, C sau khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng, chậm nhất là 6 tháng chủ đầu tư phải hoàn thành báo cáo quyết toán vốn đầu tư trình người có thẩm quyền phê duyệt.

d) Đối với các dự án có những hạng mục công trình có thể đưa vào khai thác, sử dụng độc lập thì sau khi hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư, chậm nhất là 3 tháng chủ đầu tư phải hoàn thành báo cáo quyết toán hạng mục công trình để trình người có thẩm quyền phê duyệt".

19. Điều 57 ND 52/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước phải được thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư theo quy định:

1. Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư.

Trước khi phê duyệt quyết toán vốn đầu tư, tất cả các báo cáo quyết toán phải được thẩm tra. Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định tổ chức thẩm tra quyết toán theo quy định:

a) Thuê tổ chức kiểm toán độc lập hoạt động tại Việt Nam kiểm toán báo cáo quyết toán. Trường hợp người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán tự tổ chức thẩm tra phải có cơ quan chuyên môn đủ năng lực thực hiện.

b) Trách nhiệm thẩm tra quyết toán:

- Cơ quan cấp vốn, cho vay và thanh toán có trách nhiệm xác nhận số vốn đã cấp, cho vay và thanh toán cho dự án.

- Tổ chức kiểm toán và cơ quan chuyên môn thực hiện thẩm tra báo cáo quyết toán phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm tra báo cáo quyết toán.

2. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư và dự án nhóm A sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

b) Đối với các dự án còn lại thì người có thẩm quyền quyết định đầu tư đồng thời là người phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

3. Chi phí thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư được tính trong tổng dự toán được duyệt.

Bộ Tài chính hướng dẫn về nội dung thẩm tra báo cáo quyết toán, quản lý sử dụng phí thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư".

20. Điều 60 ND 52/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Hình thức chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án được thực hiện đối với chủ đầu tư có đủ điều kiện về nghiệp vụ, chuyên môn phù hợp với dự án đầu tư.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước, khi thực hiện hình thức

chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án, chủ đầu tư phải lập Ban quản lý dự án có đủ điều kiện năng lực về nghiệp vụ, chuyên môn theo quy định của Bộ Xây dựng”.

21. Điều 62 ND 52/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Hình thức chìa khóa trao tay quy định trong Nghị định này là hình thức quản lý thực hiện dự án sau khi dự án đã có quyết định đầu tư. Trên cơ sở báo cáo nghiên cứu khả thi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ đầu tư lựa chọn nhà thầu và giao cho nhà thầu thực hiện tổng thầu từ khảo sát thiết kế, mua sắm vật tư, thiết bị, xây lắp cho đến khi hoàn thành bàn giao công trình cho chủ đầu tư thông qua hợp đồng EPC.

Hợp đồng EPC có thể được áp dụng đối với dự án hoặc tiểu dự án (dự án thành phần) hay gói thầu.

Nội dung hợp đồng EPC theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

2. Khi thực hiện hợp đồng EPC các dự án sử dụng vốn ngân sách, chủ đầu tư phải thành lập Ban quản lý dự án có đủ điều kiện năng lực theo quy định của Bộ Xây dựng.

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm thuê tư vấn giám sát quá trình thực hiện hợp đồng EPC và tổ chức nghiệm thu hợp đồng theo quy định.

4. Đối với các chủ đầu tư không có điều kiện trực tiếp quản lý thực hiện dự án, khuyến khích áp dụng hình thức chìa khóa trao tay thông qua hợp đồng EPC; khi áp dụng phải lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực tổ chức thực hiện dự án trên cơ sở đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả hợp lý và các yêu cầu do chủ đầu tư đề ra trong hợp đồng EPC”.

22. Điểm 1 khoản 16 Điều 1 ND 12/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Hình thức tự thực hiện dự án chỉ được áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Chủ đầu tư là doanh nghiệp có đăng ký hoạt động sản xuất, xây dựng phù hợp với yêu cầu của dự án, không phân biệt nguồn vốn đầu tư.

b) Chủ đầu tư có đủ năng lực hoạt động sản xuất, xây dựng phù hợp với yêu cầu của dự án trồng rừng, trồng cây lâu năm (bao gồm trồng mới và chăm sóc cây trồng hàng năm); dự án nuôi, trồng, thủy sản (thuộc ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp); dự án giống cây trồng vật nuôi, khai hoang xây dựng đồng ruộng; dự án đầu tư hầm lò, khai thác than, quặng, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên các công trình xây dựng, thiết bị sản xuất; các công trình xây dựng trại giam”.

Điều 2. Xử lý các dự án đầu tư dở dang:

"Các dự án đầu tư được phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa triển khai thực hiện dự án hoặc đang triển khai thực hiện dở dang thì các nội dung công việc tiếp theo của giai đoạn thực hiện đầu tư được thực hiện theo quy định của Nghị định này, không phải trình duyệt lại dự án”.

Điều 3. Các nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng tại một số điều quy định trong ND 52/CP và ND 12/CP trái với nội dung các điều sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 4. Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính chủ trì (theo chức năng được phân công) phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

Định kỳ 6 tháng, hàng năm các Bộ, ngành, địa phương, Tổng công ty nhà nước có trách nhiệm

tổng hợp tình hình thực hiện đầu tư và xây dựng của cơ quan, đơn vị mình và các vấn đề vướng mắc gửi Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị các doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 115/QĐ-TTg ngày 27/01/2003 về việc phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau giai đoạn 2002 - 2005.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 58/2002/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về

ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước và Tổng công ty nhà nước;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau giai đoạn 2002 đến 2005 (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước trực thuộc theo đúng nội dung và tiến độ đã được duyệt. Trường hợp điều chỉnh, bổ sung phải được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, địa phương liên quan có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau trong việc thực hiện Phương án theo các quy định hiện hành.

Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp chịu trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn và theo dõi việc thực hiện Phương án này, đồng thời kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG